TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ DĨ AN** TỈNH BÌNH DƯƠNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 57/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 21-7-2020
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Phú Tâm;

2. Bà Nguyễn Thị Thu Vân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tố Anh - Thư ký Tòa án nhân dân th ành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dânthành phố Dĩ An tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Xuân Tình- Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 7 năm 2020, tại Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 237/2020/TLST-HNGĐ ngày 17/4/2020 về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 74/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 29/6/2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Trần Ngọc Q, sinh năm 1977;

Thường trú: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh T;

Tạm trú: 92/6 khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh B; địa chỉ liên lạc: 64, đường số 2, khu công nghiệp S, khu phố B, phường A, thành phố D, tỉnh B, có mặt.

- *Bị đơn:* Bà Trần Thị H, sinh năm 1984;

Thường trú: Thôn Đ, xã L, thị xã P, tỉnh H;

Tạm trú: 92/6 khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh B, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

-Tại đơn khởi kiện ngày 16/4/2020và lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn ông Trần Ngọc Q trình bày:

Về quan hệ hôn nhân : Ông Trần Ngọc Q và bà Trần Thị H, tìm hiểu nhau được một thời gian, thì đăng ký kết hôn vào năm 2006 tại Ủy ban nhân dân phường L, thành phố P, tỉnh H, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 25/2006, quyển số 01 do Ủy ban nhân dân phường L, thành phố P, tỉnh H cấp ngày 30/8/2006.

Sau khi kết hôn vợ chồng sống tại nhà riêng của vợ chồng ở Dĩ An, Bình Dương. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn về tình cảm, tiền bạc và cách nuôi dạy con cái; nguyên nhân do vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, bất đồng quan điểm về nhiều mặt trong cuộc sống hàng ngày. Càng ngày mâu thuẫn càng trầm trọng hơn nên vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2019. Nay ông Trần Ngọc Q xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được ly hôn với bà Trần Thị H.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Trần Thái H, sinh ngày 21/02/2007 và Trần Hồng L, sinh ngày 30/5/2012. Tại phiên tòa, ông Trần Ngọc Q yêu cầu được trực tiếp nuôi cả 02 con chung, trường hợp Tòa án không cho ông nuôi 02 con chung thì ông yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu Trần Hồng L, sinh ngày 30/5/2012 và giao cháu Trần Thái H, sinh ngày 21/02/2007 cho bà Trần Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, không ai phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung (nghĩa vụ chung): Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại bản tự khai ngày 07/5/2020, tại biên bản lấy lời khai bổ sung đương sự ngày 10/6/2020 và tại phiên tòa bị đơn bà Trần Thì H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị H thống nhất với phần trình bày của ông Trần Ngọc Q về thời gian tìm hiểu, thời gian đăng ký kết hôn và quá trình chung sống, quan hệ vợ chồng. Ông, bà sống hạnh phúc được thời gian đầu, về sau thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do không tìm được tiếng nói chung, bất đồng quan điểm về tất cả các mặt trong cuộc sống hàng ngày, tính tình không hợp nhau, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cải vã nhau, mặc dù ông, bà đã cố gắng sống vì con nhưng mâu thuẫn không cải thiện được. Ngược lại, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn, đến nay thì sức chịu đựng của bà cũng không còn và cũng không muốn tiếp tục cuộc sống hôn nhân với ông Q. Do đó, bà H đồng ý ly hôn với ông Trần Ngọc Q.

Về con chung: Bà Trần Thị H xác định vợ chồng có 02 con chung tên Trần Thái H, sinh ngày 21/02/2007 và Trần Hồng L, sinh ngày 30/5/2012. Bà H không đồng ý giao con chung cho ông Q nuôi dưỡng vì bà cho rằng ông Q là người chồng, người cha rất vô tâm, không quan tâm và không hiểu các con nên không thể chia sẻ, gần gũi, chăm sóc các con. Hơn nữa ông Q phải đi là tăng ca nên không có thời gian để chăm sóc và dạy dỗ các con. Bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung và yêu cầu ông Q có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con với mức 2.000.000 đồng/ tháng/02 con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung (nghĩa vụ chung): Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến tại phiên tòa, việc giải quyết vụ án đã đảm bảo tuân thủ đúng pháp luật về tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Ông Q yêu cầu được ly hôn và bà H cũng đồng ý nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông Q về việc ly hôn. Về con chung: xét các cháu Trần Thái H và Trần Hồng L từ nhỏ đến giờ đều do bà H trực tiếp chăm sóc,

các cháu có nguyện vọng được ở với mẹ nên đề nghị Hội đồng xét xử giao con chung cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung do các đương sự không tranh chấp nên không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Ngọc Q và bà Trần Thị H là vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường L, thành phố P, tỉnh H, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 25/2006, quyển số 01 do Ủy ban nhân dân phường L, thành phố P, tỉnh H cấp ngày 30/8/2006 nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Căn cứ vào lời khaicủa ông Q và bà H trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa thì thực tế cuộc sống vợ chồng của ông bàcó nhiều mâu thuẫn, do không tìm được tiếng nói chung, ông Q không có sự quan tâm, chăm sóc và hiểu vợ con dẫn tới vợ chồng mặc dù sống chung nhà nhưng không còn tình cảm, sống ly thân với nhau. Thậm chí con gái lớn 13 tuổi bị bệnh gì, tại sao phải nghỉ học ông cũng không biết. Do đó, nguyên nhân vợ chồng không còn tình cảm với nhau chủ yếu là do ông Q không quan tâm đến vợ con. Nay ông Q yêu cầu được ly hôn, bà H cũng đồng ý nên có cơ sở chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Q.

[2] Về con chung: Giữa ông Trần Ngọc Q và bà Trần Thị H có 02 con chung tên Trần Thái H, sinh ngày 21/02/2007 và Trần Hồng L, sinh ngày 30/5/2012. Quá trình giải quyết vụ án, tại phiên hòa giải ông Q và bà H thỏa thuận giao cả hai con chung cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng, tuy nhiên sau đó ông Q xin thay đổi ý kiến, ông Q yêu cầu được trực tiếp nuôi cả hai con hoặc nếu không được nuôi cả hai con thì ông yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Hồng L và đồng ý giao cháu Trần Thái H cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng, không ai phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung và yêu cầu ông Q phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con với mức 2.000.000 đồng/tháng/02 con. Tại Khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: "*Vợ chồng thỏa thuận người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con, trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con*; *nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con*.". Ông Q và bà H không thỏa thuận được về người trực tiếp nuôi con, Tòa án sẽ quyết định việc giao con chung cho ai trực tiếp nuôi dưỡng trên cơ sở xem xét về mọi mặt và đảm bảo quyền lợi của con chưa thành niên.

[3] Xét trong thời gian vợ chồng chung sống, bà H là người ở nhà nội trợ trực tiếp nuôi dưỡng hai con. Đồng thời cháu H và cháu L đều có nguyện vọng được sống với mẹ, không muốn sống với ba. Do đó, không thể giao cả hai cháu cho ông Q nuôi dưỡng. Hơn nữa, việc ông Q yêu cầu được nuôi cháu L cũng không phù hợp, vì ông Q thường xuyên đi làm đêm sẽ không có điều kiện trực tiếp chăm sóc cho con, đồng thời sau khi cha mẹ ly hôn hai cháu cần được sống cùng nhau nhằm tránh gây ra sự mất mát, tổn thương thêm về mặt tình cảm mà các cháu phải chịu khi cha mẹ ly hôn. Vì vậy, để bảo đảm quyền lợi của người phụ nữ và trẻ em khi ly hôn cần giao cả hai con chung cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Trần Thị H yêu cầu ông Trần Ngọc Q phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con với mức 2.000.000 đ/tháng (mỗi con 1.000.000 đồng) là phù hợp, ông Q cũng đồng ý nên chấp nhận.

[5] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Từ những nhận định trên, có căn cứ chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện về tranh chấp ly hôn của ông Trần Ngọc Q với bà Trần Thị H. Không chấp nhận yêu cầu được trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn của ông Trần Ngọc Q.

[7] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An là phù hợp với quy định của pháp luật.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trần Ngọc Q chịu án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng theo quy định tại Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điểm a Khoản 5, Điểm đ Khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 4 Điều 147, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a Khoản 5 và Điểm đ Khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Ngọc Q được ly hôn với bà Trần Thị H, theo giấy chứng nhận kết hôn số 25/2006, quyển số 01 do Ủy ban nhân dân phường L, thành phố P, tỉnh H cấp ngày 30/8/2006.

2. Về con chung: Ông Trần Ngọc Q giao hai con chung là cháu Trần Thái H, sinh ngày 21/02/2007 và cháu Trần Hồng L, sinh ngày 30/5/2012 cho bà Trần Thị H trực tiếp nuôi dưỡng.

Sau khi ly hôn, bà Trần Thị H phải tạo điều kiện cho ông Trần Ngọc Q có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con, không ai có quyền cản trở ông Q thực hiện quyền này. Vì lợi ích về mọi mặt của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và vấn đề cấp dưỡng.

3. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: ông Trần Ngọc Q phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 (một triệu) đồng/tháng/con, tổng cộng 2.000.000 (hai triệu) đồng/tháng/02 con.

Kể từ ngày bà Trần Thị H có đơn yêu cầu thi hành án mà ông Trần Ngọc Q không thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng thì hàng tháng ông Trần Ngọc Q còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

4. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trần Ngọc Q phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn và 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí cấp dưỡng, được khấu trừ 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số

0040292 ngày 16/4/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương, ông Trần Ngọc Q còn phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng.

6. Nguyên đơn ông Trần Ngọc Q và bị đơn bà Trần Thị H có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Dĩ An;
- CCTHA DS thành phố Dĩ An;
- UBND phường L, Tp. P, tỉnh H;
- Đương sự;
- Lưu: VP, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Mỹ Thanh